



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Kiên Giang

Số 49

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

14-10-2024	Quyết định số 2758/QĐ-UBND về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng đảo Hòn Thơm tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 160,67 ha.	02
15-10-2024	Kế hoạch số 309/KH-UBND phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã tỉnh Kiên Giang năm 2025.	08
16-10-2024	Quyết định số 2793/QĐ-UBND về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Bãi Khem và Mũi Ông Đội tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 128,68 ha.	48
16-10-2024	Quyết định số 2795/QĐ-UBND về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Rạch Tràm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 172,13 ha.	54

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2758/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng đảo Hòn Thơm
tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang,
tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 160,67 ha**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2786/TTr-SXD ngày 04/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng đảo Hòn Thơm tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 160,67 ha, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: Phạm vi ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch phân khu xây dựng đảo Hòn Thơm tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp Biển và rừng phòng hộ.
- Phía Nam giáp Biển và rừng phòng hộ.
- Phía Đông giáp Biển.
- Phía Tây giáp Biển.

2. Diện tích: Khoảng 160,67 ha.

(Phạm vi ranh giới và diện tích sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch phân khu đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch chung được phê duyệt)

3. Tính chất: Là Khu dịch vụ du lịch, khai thác tổ chức các hoạt động tham quan, ngắm cảnh, bảo tồn môi trường biển; vui chơi, giải trí biển,... để bổ sung thêm các sản phẩm du lịch đặc sắc. Kết nối với khu vực đô thị An Thới bằng 02 tuyến cáp treo vượt biển và các phương tiện thủy phù hợp. Phát triển khu dân cư với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ phục vụ cho tái định cư.

4. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

4.1. Chỉ tiêu cơ bản về dân số

Dự báo sau khi hoàn thành, khu vực quy hoạch có thể phục vụ khoảng 25.000 - 28.000 người (*chiếm khoảng 78% - 87% trên tổng số 32.000 người của toàn bộ Phân khu 2 theo quy hoạch chung được phê duyệt*), trong đó:

- Dân số chính thức (*Khu tái định cư*) khoảng 500 - 700 người.
- Dân số khác (*Khách lưu trú, khách tham quan, nhân viên phục vụ điều hành,...*) khoảng: 24.500 - 27.300 người/ngày.

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật sẽ được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình lập Đồ án quy hoạch phân khu, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung đã được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành đối với đô thị loại I.

5. Các yêu cầu và nguyên tắc về tổ chức không gian, kiến trúc, kết nối hạ tầng kỹ thuật

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng, dân cư, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; phân tích các quy định của quy hoạch chung xây dựng có liên quan đến khu vực quy hoạch; đánh giá các dự án, các quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực.

- Xác định quy mô dân số, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch; chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo chức năng đặc thù.

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định các phân khu trong khu vực quy hoạch; xác định chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng lô đất; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có).

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan: Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng phân khu, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn.

- Định hướng hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường khu vực, bao gồm các nội dung sau:

- + Xác định cốt xây dựng đối với từng ô phố;

+ Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm); tuyến giao thông công cộng; hào và tuynel kỹ thuật (nếu có);

+ Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật cụ thể;

+ Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng (điện, khí đốt); vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, trạm khí đốt; mạng lưới đường dây trung thế và hệ thống chiếu sáng;

+ Xác định nhu cầu và công trình hạ tầng viễn thông thụ động;

+ Xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược:

+ Xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch;

+ Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng;

+ Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường cho các khu vực chức năng.

- Dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư, sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện.

6. Danh mục hồ sơ đồ án

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh, phụ lục kèm theo thuyết minh, quy định quản lý theo Đồ án, dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt Đồ án thực hiện theo Điều 27, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và hồ sơ lấy ý kiến thống nhất nội dung đồ án quy hoạch xây dựng gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

- Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và lưu trữ: Theo yêu cầu của cơ quan quản lý quy hoạch.

7. Chi phí và thời gian lập quy hoạch

- Tổng chi phí thực hiện: **1.923.727.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ chín trăm hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn đồng*). Chi phí thực hiện sẽ được thanh quyết toán theo khối lượng thực tế thực hiện và kết quả thẩm định.

Trong đó:

+ Chi phí lập đồ án quy hoạch:	1.331.213.000 đồng.
+ Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	92.470.000 đồng.
+ Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	17.124.000 đồng.
+ Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	86.652.000 đồng.
+ Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án:	81.722.000 đồng.
+ Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư:	24.652.000 đồng.
+ Chi phí công bố quy hoạch:	36.978.000 đồng.
+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:	10.903.000 đồng.
+ Chi phí đấu thầu lập quy hoạch:	13.179.000 đồng.
+ Chi phí lập bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án:	228.834.000 đồng.

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Thời gian lập Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng không quá 09 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.

- Đơn vị lập đồ án quy hoạch: Đơn vị có đủ tư cách pháp nhân thực hiện quy hoạch phân khu.

- Cơ quan thẩm định quy hoạch: Hội đồng thẩm định và Sở Xây dựng.

- Cơ quan quyết định đồ án quy hoạch: HĐND tỉnh Kiên Giang.

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc có trách nhiệm tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng đảo Hòn Thơm tại

phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 160,67ha, đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Du lịch; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Giang Thanh Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 309/KH-UBND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã tỉnh Kiên Giang năm 2025

Thực hiện Công văn số 4876/BKHĐT-KTHT ngày 24/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể tỉnh Kiên Giang năm 2025, với nội dung chủ yếu như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2024

1. Đánh giá dựa trên các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

a) Về số lượng, doanh thu và thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (HTX, LH HTX, THT)

Hợp tác xã: Ước đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 523 HTX đăng ký hoạt động, trong đó có 457 HTX nông nghiệp, 14 HTX thương mại dịch vụ, 23 HTX giao thông vận tải, 03 HTX xây dựng, 07 HTX tiểu thủ công nghiệp và 19 quỹ tín dụng nhân dân. Số HTX thành lập mới là 15 HTX (đạt 100% kế hoạch), giải thể 04 HTX, sáp nhập 11 HTX lại còn 05 HTX (giảm 06 HTX).

Doanh thu bình quân của một HTX ước thực hiện năm 2024 là 1.800 triệu đồng/năm, tăng 26,8% so với kế hoạch năm 2024, lợi nhuận bình quân đến cuối năm ước đạt 590 triệu đồng, tăng 5,4% kế hoạch năm 2024, thu nhập bình quân của người lao động khoảng 60 triệu đồng/năm, đạt 100% kế hoạch năm 2024.

Liên hiệp HTX: Ước năm 2024, thành lập mới 01 LHHTX, nâng tổng số LHHTX là 04LHHTX với tổng vốn điều lệ 600 triệu đồng, có 45 HTX thành viên tham gia với tổng số 28 lao động. Đến cuối năm 2024, doanh thu bình quân của một LHHTX ước thực hiện năm 2024 là 350 triệu đồng/năm, lãi bình quân của LHHTX ước 150 triệu đồng/năm. Nhìn chung, các LHHTX bước đầu đã đi vào hoạt động ổn định.

Tổ hợp tác: Ước đến cuối năm 2024, thành lập mới 50 THT đạt 100% so với kế hoạch đề ra, toàn tỉnh có 2.322 THT, trong đó có 1.657 THT nông nghiệp, 665 THT tiểu thủ công nghiệp. Với tổng số 44.422 tổ viên tạo việc làm cho 7.004 lao động theo thời vụ. Doanh thu bình quân một THT 400 triệu đồng/năm; lợi nhuận bình quân một THT đạt 60 triệu đồng/năm.

- Có 402HTX hoạt động có lãi (chiếm tỷ lệ 76,86% tổng số HTX), 03 LHHTX hoạt động có lãi, thực hiện nghĩa vụ về thuế.

b) Về thành viên, lao động của HTX, LH HTX, THT

Tổng số thành viên HTX ước đến hết năm 2024 là 55.534 người, đạt 99,76% so với kế hoạch năm 2024; tổng số lao động thường xuyên trong HTX ước đến hết năm 2024 là 11.488 lao động tăng 3,09% so với kế hoạch năm 2024 (trong đó số lao động thường xuyên mới năm 2024 là 600 lao động, số lao động là thành viên HTX là 10.888 lao động);

Tổng số thành viên Liên hiệp HTX ước đến hết năm 2024 là 45 HTX, đạt 100% so với kế hoạch năm 2024; tổng số lao động thường xuyên trong LH HTX ước đến hết năm 2024 là 28 lao động (trong đó số lao động thường xuyên mới năm 2024 là 9 lao động, số lao động là thành viên HTX là 19 lao động).

Tổng số thành viên THT ước đến năm 2024 khoảng 44.422 thành viên, tăng 0,48% so với kế hoạch năm 2024.

Thu nhập bình quân của người lao động trong HTX là 60 triệu đồng/năm, đạt 100% kế hoạch năm 2024. THT là 42 triệu đồng/người/năm.

c) Về trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

Ước đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 3.912 cán bộ quản lý HTX tăng 0,7% so với kế hoạch năm 2024, phần lớn các HTX thiếu cán bộ có năng lực quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, cán bộ HTX có trình độ sơ cấp, trung cấp 80%; cao đẳng, đại học khoảng 20%. Do đó hoạt động của không ít HTX còn lúng túng, kế hoạch sản xuất kinh doanh chưa sát thực tế, chưa xây dựng được chiến lược kinh doanh trung, dài hạn.

Tổng số cán bộ quản lý LH HTX ước đến cuối năm 2024 là 24 người. Trong đó, trình độ cao đẳng, đại học là 6 người; trình độ sơ cấp, trung cấp là 18 người.

Tổng số cán bộ quản lý THT: 4.368 người. Trong đó, trình độ cao đẳng, đại học 30; trình độ sơ cấp, trung cấp là 481 người, những cán bộ còn lại chủ yếu là người lớn tuổi, có kinh nghiệm và thời gian làm việc lâu năm tại THT. Trình độ, năng lực điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý THT còn hạn chế, thiếu chuyên môn nghiệp vụ.

2. Đánh giá theo lĩnh vực

2.1. Hợp tác xã

a) Lĩnh vực nông nghiệp – thủy sản

Tổng số HTX nông nghiệp ước đến cuối năm 2024 là 457 HTX (thành lập mới 12 HTX, giải thể 02 HTX, sáp nhập 11 HTX lại còn 05 HTX), với 36.465 thành viên; tổng số vốn điều lệ là 199,15 tỷ đồng tạo việc làm cho 4.570 lao động, trong đó số lao động đồng thời cũng là thành viên HTX.

Doanh thu bình quân của HTX: 2.000 triệu đồng/năm; lãi bình quân của HTX: 700 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX: 05 triệu đồng/tháng.

Hoạt động của các HTX nông nghiệp – thủy sản đã giải quyết tốt các quan hệ hợp tác, giúp đỡ nhau trong quá trình sản xuất, quản lý nguồn lợi thiên nhiên, tuy doanh thu và lợi nhuận của các HTX nông nghiệp không cao, nhưng đã giúp thành viên áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất, giảm lượng giống, nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công lao động làm tăng năng suất và thực hiện tốt các khâu dịch vụ hỗ trợ như: bơm tát, làm đất, thu hoạch, vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi và tiêu thụ sản phẩm giúp giảm chi phí, tăng thu nhập cho thành viên. HTX còn giúp thành viên tiết kiệm được thời gian để tự tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống. Tuy nhiên, đa số HTX gặp khó khăn về nhân sự và vốn nên chưa hỗ trợ được nhiều cho thành viên. Do ảnh hưởng của lạm phát tăng cao, giá cả nông sản thay đổi liên tục, giá phân bón tăng cao, thời tiết diễn biến thất thường làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp.

b) Lĩnh vực giao thông vận tải

Ước đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 23 HTX (thành lập mới 01HTX), chiếm 4,4% tổng số HTX toàn tỉnh, thu hút hơn 2.376 thành viên tham gia, có 2.543 phương tiện, góp phần giải quyết việc làm cho 3.696 lao động.

Doanh thu bình quân của HTX: 800 triệu đồng/năm; lãi bình quân của HTX: 150 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX: 05 triệu đồng/tháng.

Các HTX hoạt động ổn định, chủ động mở rộng luồng tuyến, quy mô tổ chức khoa học, công tác điều hành tập trung, xây dựng và duy trì thương hiệu. Đồng thời, chủ động đầu tư phương tiện, đổi mới chất lượng dịch vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá của nhân dân góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế xã hội địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh các HTX hoạt động với số lượng phương tiện lớn, quy mô tổ chức bài bản, chú trọng và duy trì thương

hiệu thì vẫn tồn tại một số HTX hoạt động trên danh nghĩa, lập các dịch vụ thủ tục giấy tờ cho các hộ để có phương tiện hoạt động, không tập trung xây dựng thương hiệu và một số thành viên của HTX chưa quan tâm đến lợi ích tập thể khi tham gia HTX, gia nhập mang tính hình thức. Bên cạnh đó, hoạt động của các HTX còn thiếu gắn bó, chưa có sự liên kết hệ thống với nhau và việc liên kết với thành phần kinh tế khác còn ít và nội dung còn hạn chế.

c) Lĩnh vực xây dựng

Ước đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 3 HTX xây dựng, chiếm khoảng 0,57% tổng số HTX toàn tỉnh. Giải quyết việc làm cho 1.251 lao động, trong đó 37 lao động đồng thời là thành viên.

Doanh thu bình quân của HTX: 1.550 triệu đồng/năm; Lãi bình quân của HTX: 120 triệu đồng/năm; Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX: 4,2 triệu đồng/tháng.

Các HTX chấp hành tốt các quy định của pháp luật về xây dựng, an toàn lao động; hoạt động ổn định, ký kết được các hợp đồng xây dựng có giá trị với các ban quản lý đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách, đường giao thông nông thôn thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương, nhà dân hoặc nhận thi công lại của các nhà thầu khác. Các HTX đều kinh doanh có lãi, tăng thu nhập cho thành viên và HTX cũng đã giải quyết việc làm, ổn định thu nhập cho một bộ phận lao động nông thôn. Bên cạnh đó, HTX xây dựng cũng gặp nhiều khó khăn do giá vật liệu xây dựng không ổn định và vốn ít, kinh nghiệm hạn chế nên khâu đấu thầu còn gặp nhiều khó khăn.

d) Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

Năm 2024, thành lập mới 02 HTX, toàn tỉnh có 14 HTX thương mại, với 210 thành viên và tạo việc làm cho 605 lao động.

Doanh thu bình quân của HTX: 1.200 triệu đồng/năm; Lãi bình quân của HTX: 130 triệu đồng/năm; Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX: 4,5 triệu đồng/tháng.

Các HTX đã từng bước đổi mới phương thức kinh doanh, mở rộng thị trường, sản phẩm hàng hóa đa dạng; tăng cường liên kết với các HTX và doanh nghiệp để cung ứng hàng hóa, tạo việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động. Tuy nhiên, quy mô còn nhỏ, kinh doanh rủi ro, thua lỗ, nợ khó đòi, khả năng mở rộng kinh doanh chưa cao nên gặp nhiều khó khăn trong cạnh tranh.

đ) Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Ước đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 7 HTX công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chiếm 1,34% HTX toàn tỉnh, thu hút 147 thành viên tham gia, giải quyết việc làm cho 901 lao động, trong đó có 175 lao động đồng thời là thành viên HTX.

Doanh thu bình quân của HTX: 470 triệu đồng/năm; Lãi bình quân của HTX: 50 triệu đồng/năm; Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX: 3,5 triệu đồng/tháng.

Các HTX đã góp phần tạo việc làm cho lao động nhân rỗi ở nông thôn, duy trì được nghề truyền thống và mở rộng đa dạng sản phẩm phù hợp với thị hiếu của thị trường. Tuy nhiên, nhìn chung HTX quy mô hoạt động còn nhỏ lẻ, thiếu vốn đầu tư trang thiết bị sản xuất, chất lượng sản phẩm chưa cao, đầu ra còn khó khăn, tính cạnh tranh thấp, thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

e) Lĩnh vực quỹ tín dụng nhân dân (QTDND)

Ước đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 19 tổ chức tín dụng hoạt động theo mô hình kinh tế tập thể (19 Quỹ tín dụng nhân dân và 01 chi nhánh Ngân hàng Hợp tác xã, giải thể 02 Quỹ tín dụng) hoạt động tại 65 xã, phường thuộc 10 huyện, thành phố của tỉnh, với 16.299 thành viên tham gia. Ước đến cuối năm 2024 tổng nguồn vốn hoạt động đạt 1.169.249 triệu đồng. Doanh thu bình quân của Quỹ tín dụng ước: 800 triệu đồng/năm. Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong QTDND: 6 triệu đồng/tháng.

Các quỹ đều hoạt động có lãi, duy trì khả năng thanh toán có 19/19 quỹ có thu nhập lớn hơn chi phí là 15.569 triệu đồng. Thông qua việc huy động vốn cho vay tại chỗ đối với các thành viên trên tinh thần tương trợ lẫn nhau, giúp thành viên giải quyết nhu cầu về vốn mở rộng sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của thành viên trên địa bàn, hạn chế tình trạng vay nặng lãi, ổn định tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương, điển hình có một số HTX hoạt động tốt như: Quỹ tín dụng nhân dân Vĩnh Thanh Vân, Quỹ tín dụng nhân dân Vĩnh Hiệp - thành phố Rạch Giá, Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tân Hiệp, Quỹ tín dụng nhân dân Bình An. Bên cạnh đó do sự cạnh tranh gay gắt của các tổ chức tín dụng khác và ý thức tự giác về nghĩa vụ vay, trả nợ của một số thành viên chưa cao, đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.

2.2. Liên hiệp Hợp tác xã:

Ước năm 2024, thành lập mới 01 Liên hiệp hợp tác xã (đạt 100% kế hoạch) với 10 HTX thành viên. Ước đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 04 Liên hiệp hợp tác xã với tổng vốn điều lệ 600 triệu đồng, với tổng diện tích đất sản xuất 32.720 ha, với 45 hợp tác xã thành viên, có 28 lao động.

Nhìn chung, các Liên hiệp HTX bước đầu đi vào hoạt động cơ bản đúng với phương hướng sản xuất kinh doanh đề ra.

2.3. Tổ hợp tác (THT):

Ước đến cuối năm 2024, thành lập mới 50/50 THT, đạt 100% so với kế hoạch 2024; với 150 thành viên; 150 triệu đồng vốn góp và 70 ha đất sản xuất. Hiện toàn tỉnh

có 2.322 THT đang hoạt động, với tổng số 44.422 tổ viên; số vốn góp 17.782 triệu đồng và 64.620 ha canh tác; tạo việc làm cho 7.004 lao động theo thời vụ.

Các THT trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển và đóng vai trò quan trọng trong sản xuất, đời sống của các hộ dân, góp vốn xoay vòng giúp nhau phát triển kinh tế hộ, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất kinh doanh, tận dụng các nguồn lực đất đai, nguyên liệu, vốn, lao động hiện có tại địa phương, tạo ra cách làm ăn mới, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho các hộ dân góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần quan trọng vào giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên, còn một số THT thành lập tự phát gây khó khăn cho việc theo dõi, hướng dẫn tổ chức hoạt động và quản lý của địa phương. Tổ chức của các THT thiếu chặt chẽ, quan hệ hợp tác lỏng lẻo, không đảm bảo tính ổn định và bền vững, việc sản xuất với quy mô nhỏ, năng lực điều hành của đội ngũ quản lý còn hạn chế, đa số THT gặp khó khăn về việc tiếp cận nguồn vốn, khoa học – công nghệ, thị trường... nhất từ cuối năm 2020 đến nay ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tổ hợp tác lại càng gặp nhiều khó khăn.

3. Đánh giá tác động của HTX, LH HTX, THT tới thành viên, kinh tế hộ thành viên (về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội)

a) Về kinh tế

- Kinh tế tập thể trong tỉnh đến nay có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều HTX, LH HTX, THT phát triển đa dịch vụ, từng bước phát huy hiệu quả, góp phần xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo tại địa phương, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội trong tỉnh. Đặc biệt, trong những năm gần đây, với yêu cầu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, HTX, LH HTX, THT đã có bước phát triển mới về số lượng, hiệu quả hoạt động được nâng cao, với đủ các loại hình dịch vụ thúc đẩy sản xuất kinh doanh ở khu vực nông thôn phát triển.

- HTX, LH HTX, THT có sự nhận thức đúng đắn về chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước về kinh tế hợp tác, cùng với việc lựa chọn mô hình sản xuất, kinh doanh phù hợp, phương pháp tổ chức hoạt động hiệu quả, quyền lợi của thành viên gắn liền với quyền lợi của HTX, phần lớn các HTX, LH HTX, THT hỗ trợ tích cực cho kinh tế hộ phát triển, đáp ứng nhu cầu của thành viên. Một số HTX đã mở rộng sản xuất, tạo thêm nhiều ngành nghề và tích cực tham gia các hoạt động xã hội trên địa bàn. Bên cạnh đó, HTX còn là cầu nối đưa Nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, tham gia tích cực phong trào xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Một số HTX hoạt động

có hiệu quả tạo được lòng tin, góp phần cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động.

- HTX, LH HTX, THT có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế nói chung, trở thành chỗ dựa cho kinh tế hộ, khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ, giữ vai trò liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm và hỗ trợ nâng cao phúc lợi, đảm bảo an sinh xã hội cho thành viên.

b) Về chính trị, văn hóa, xã hội:

- Trong Chương trình xây dựng nông thôn mới có 19 tiêu chí, trong đó có 1 tiêu chí là phải xây dựng HTX sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tiêu chí này không chỉ nâng cao thu nhập cho nông dân mà còn góp phần làm thay đổi căn bản diện mạo nông thôn thời kỳ hội nhập. Thực tiễn xây dựng nông thôn mới thời gian qua cho thấy, kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX, nếu phát triển đúng hướng, sẽ là một yếu tố và động lực cơ bản góp phần tạo nền tảng thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới, ổn định về chính trị, xã hội.

- Các HTX, LH HTX, THT nông nghiệp đã phát huy được vai trò tập hợp, vận động, thay đổi cách nghĩ, cách làm cho bà con nông dân, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất và nhất là đã thực hiện tốt việc liên doanh, liên kết, bảo đảm đầu ra ổn định cho nông sản. Trên một số lĩnh vực, HTX đã mở rộng sản xuất, tạo thêm nhiều ngành nghề, phát triển kinh doanh tổng hợp, đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đồng thời tham gia các hoạt động xã hội trên địa bàn, góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định chính trị xã hội ở địa phương.

4. Một số mô hình hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao

Một số Hợp tác xã điển hình trong mô hình liên kết với doanh nghiệp sản xuất lúa theo chuỗi giá trị kết hợp tiêu thụ, gồm:

(1) Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Thạnh – xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành liên kết với Tập đoàn Lộc Trời.

- Quy mô liên kết: 500 ha/năm, sản lượng bình quân 3.000 tấn lúa sản xuất theo tiêu chuẩn SRP (tiêu chuẩn EU).

- Điểm đặc trưng, nổi bật: Doanh nghiệp bố trí nhân sự tham gia giữ chức danh Phó Giám đốc Hợp tác xã; doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp (giống, phân, thuốc bảo vệ thực vật), thực hiện dịch vụ cơ giới hóa (cày xới, san phẳng mặt ruộng bằng tia laser, gieo sạ bằng máy sạ cụm, sạ lúa, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng máy bay không người lái, thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp) và tiêu thụ đầu ra sản phẩm.

- Hiệu quả kinh tế: Thành viên HTX, nông dân tham gia liên kết được hỗ trợ một phần giống, vật tư nông nghiệp từ dự án hỗ trợ sản xuất do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện là chủ đầu tư; được doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp trả chậm với giá cả hợp lý; chủ động máy móc thiết bị khâu cơ giới hóa với giá cả dịch vụ ưu đãi; được đảm bảo tiêu thụ sản phẩm đầu ra ổn định theo giá thị trường và được hưởng chính sách từ 200-250 đồng/kg khi sản phẩm đạt chuẩn theo yêu cầu. Hợp tác xã được trích hoa hồng theo quy mô liên kết sản phẩm, hoạt động dịch vụ theo chính sách của doanh nghiệp.

(2) HTX Nông nghiệp Nam Quý, ấp Nam Quý, xã Đông Thái, huyện An Biên: Mô hình sản xuất của HTX là 01 vụ tôm – 01 vụ lúa, diện tích 97ha. Từ năm 2018 đến nay, HTX liên kết ổn định với 03 công ty (Công ty Nông sản tôm lúa Hữu cơ An Giang, Công ty Hồ Quang Trí ở Sóc Trăng và Công ty Hồng Tân ở Đồng Tháp), diện tích liên kết 58,5 ha theo quy trình sản xuất lúa hữu cơ, được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ Hoa Kỳ và Châu Âu (Organic USDA & EU). Các công ty sẽ cung cấp giống, phân bón cho HTX với giá công ty (rẻ hơn thị trường từ 1.000-2.000 đồng/kg), và thu mua lúa cho HTX với giá cao hơn thị trường là 2.000 đồng/kg. Hiện tại các Công ty có kế hoạch mở rộng diện tích liên kết với HTX trong thời gian tới.

(3) HTX nông nghiệp Tân Hưng, huyện Châu Thành và HTX Đường Gõ Lộ, huyện Giồng Riềng tổ chức sản xuất theo quy trình kỹ thuật đồng nhất và mỗi vụ HTX thực hiện đấu thầu công khai việc cày ải, thu hoạch lúa, tiêu thụ lúa (các doanh nghiệp, cá nhân được tham dự đấu thầu, nếu giá cả hợp lý có lợi cho HTX và thành viên thì trúng thầu). Với mô hình đấu thầu để tiêu thụ lúa bước đầu HTX đã định giá được sản phẩm lúa thương phẩm do thành viên HTX sản xuất ra.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ (KTTT, HTX)

1. Kết quả thi hành pháp luật và các văn bản về KTTT, HTX

Triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20/11/2012, có hiệu lực từ 01/7/2013; Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2023 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024; Các văn bản dưới luật bao gồm: Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác, liên hiệp hợp tác xã; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về

chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở Luật Hợp tác xã và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh Kiên Giang đã xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012, các nghị định, quyết định có liên quan tiêu biểu như sau:

- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh về định hướng chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030.

- Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND, ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh về xây dựng thí điểm mô hình cánh đồng lớn gắn với cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi giá trị lúa gạo tại

Hợp tác xã Nông nghiệp 422, ấp Mũi Tàu, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt Đề án phát triển vùng nguyên liệu lúa gạo các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên phục vụ chế biến và xuất khẩu giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kiên Giang.

- Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 08/11/2022 của Đảng bộ Tỉnh Kiên Giang thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể giai đoạn mới.

- Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về kế hoạch phát triển kinh tế tập thể tỉnh Kiên Giang năm 2024.

- Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024 tỉnh Kiên Giang.

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2023 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, đang được tỉnh Kiên Giang tuyên truyền, triển khai đến các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố về những quan điểm, mục tiêu và các nhóm chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX

Công tác quản lý nhà nước về KTTT đã được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện, chính quyền địa phương quan tâm đến tình hình KTTT, sự phối hợp chỉ đạo giữa các ngành và địa phương được tốt hơn; nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ KTTT được ban hành và chỉ đạo thực hiện nhanh, hiệu quả; công tác tư vấn, tuyên truyền, hỗ trợ thành lập HTX, THT được chú trọng và có chất lượng. Các đơn vị đã bố trí công chức kiêm nhiệm hoặc chuyên trách, tham mưu, theo dõi về phát triển KTTT.

Chức năng của Ban Chỉ đạo giúp Tỉnh ủy, UBND tỉnh nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan tới đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT tỉnh; phát triển và hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong hoạt động của các HTX đăng ký hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và văn bản hướng dẫn hiện hành.

Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước về KTTT ở một số ngành chuyên môn và UBND các huyện, xã có mặt còn hạn chế; công tác theo dõi báo cáo, thống kê số liệu, tình hình hoạt động của các HTX, THT ở một số nơi chưa đạt yêu cầu; công tác kiểm tra đối với các HTX về thực hiện pháp luật, chế độ quản lý tài chính của các HTX chưa thường xuyên, chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của các HTX. Nguyên nhân công chức theo dõi KTTT ở địa phương phần lớn đều kiêm nhiệm nên chưa có kinh nghiệm, thời gian nghiên cứu, theo dõi, thống kê tình hình hoạt động của các HTX chưa kịp thời để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các HTX, một số địa phương chưa quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển KTTT.

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, ưu đãi hợp tác xã

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ HTX, đồng thời lồng ghép các chương trình dự án trên địa bàn hỗ trợ cho khu vực kinh tế tập thể nhằm tạo điều kiện cho các HTX tiếp cận tốt chính sách của nhà nước và củng cố lại mô hình hoạt động của các HTX, phát triển tập thể gắn với chuỗi giá trị sản phẩm và xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

- *Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực*: Mở 20 lớp tập huấn với 493 người tham dự tổng khi phí thực hiện ước khoảng 800 triệu đồng. (trong đó có 06 lớp củng cố sáp nhập có 256 người tham dự, 02 lớp tập huấn tại huyện Vĩnh Thuận về kỹ năng quản lý, báo cáo tài chính HTX có 72 người tham dự, 02 lớp chứng chỉ nghề cho HTX giao thông vận 165 người tham dự, dự kiến 10 lớp chuyển đổi luật HTX 2023) giúp củng cố kiến thức cho các chức danh đang làm trong HTX, THT, tổ chức nâng cao chất lượng hoạt động KTTT, HTX.

- *Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường*: Tỉnh hỗ trợ các HTX trên địa bàn xây dựng thương hiệu sản phẩm. Xây dựng nhãn hiệu cho 02 HTX tại huyện Hòn Đất (HTX nuôi thủy sản Thanh Hoa và HTX dịch vụ nông nghiệp Tân Thuận); xúc tiến thương mại cho sản phẩm của HTX dịch vụ nông nghiệp kênh 10, huyện U Minh Thượng. Giới thiệu cho HTX nông nghiệp Lương Trục, huyện Giồng Riềng với HTX nuôi trồng thủy sản Ngã Bát, huyện An Minh kết nối cung, cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đầu ra cho củ gừng, sả, khoai... Phối hợp tổ chức Hội thảo xây dựng chuỗi liên kết canh tác nông nghiệp bền vững cho các HTX trên địa bàn huyện Hòn Đất. Trong năm 2024, dự kiến hỗ trợ cho 20 HTX tham gia Hội chợ trong và ngoài tỉnh với tổng kinh phí 600 triệu đồng.

- *Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX*: Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh triển khai cho 02 HTX vay vốn 2,45 tỷ đồng theo chương trình hỗ trợ tại Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về

việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND, ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang nhưng đến nay chưa được giải ngân. Ngoài ra, tỉnh cũng phối hợp với Quỹ phát triển Liên minh HTX Việt Nam hướng dẫn hồ sơ thủ tục vay vốn cho các HTX trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến thời điểm có 01 HTX vay với số vốn 3 tỷ đồng.

- *Chính sách thành lập mới HTX:* Công tác hỗ trợ thành lập mới thường xuyên được tỉnh quan tâm và đầu tư hỗ trợ. Đến thời điểm hiện nay, đã hỗ trợ kinh phí thành lập mới cho 08 HTX với tổng số tiền 160 triệu đồng, sáp nhập cho 06 HTX với tổng kinh phí 75 triệu đồng. Ước đến cuối năm 2024, hỗ trợ thành lập mới 15 HTX, sáp nhập 06 HTX với tổng số tiền hỗ trợ 360 triệu đồng. Tổ chức tập huấn, tư vấn cho người dân có nhu cầu thành lập mới, sáp nhập HTX có 724 người tham dự với tổng kinh phí là 315 triệu đồng.

- *Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, chế biến sản phẩm:*

+ Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 330/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và hàng năm có ban hành kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện. Theo Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 15/12/2023 thì kế hoạch vốn năm 2024 hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho 04 HTX nông nghiệp với tổng kinh phí là 15.080 triệu đồng và giao Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Liên minh Hợp tác xã lựa chọn các HTX đủ điều kiện, lập danh sách gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để hướng dẫn các bước trình tự, thủ tục hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho các HTX theo quy định.

+ Đề xuất thực hiện dự án phát triển ngành nghề nông thôn (Dự án hỗ trợ máy móc sơ chế, chế biến nông sản thành thực phẩm và bột thực phẩm) tại HTX sản xuất, dịch vụ Kênh 10, ấp Minh Kiên A, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng với các nội dung hỗ trợ máy móc thiết bị hoàn thiện dây truyền sơ chế, chế biến nông sản thành thực phẩm và bột thực phẩm (Máy gọt vỏ nông sản; máy sấy thực phẩm; máy nghiền bột mịn; máy trộn thực phẩm); HTX Toàn Diện; hỗ trợ trang thiết bị chế biến sản phẩm rượu từ trái giác, tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

+ Dự án GIC: Hỗ trợ 01 máy gặt đập liên hợp và 01 máy chọn đảo phân hữu cơ cho 02 Liên hiệp HTX tại huyện An Biên; đồng thời đưa 03 người của LH HTX được nhận máy trộn đảo phân hữu cơ học tập kinh nghiệm tại TP.Cần Thơ.

4. Kết quả, tình hình thực hiện các Đề án

4.1. Tình hình thực hiện Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang thực hiện chương trình hỗ trợ KTTT, HTX năm 2024. Tỉnh đã triển khai hỗ trợ như sau:

- Công tác tập huấn, tư vấn hỗ trợ thành lập mới 15 cuộc, thành lập mới 9/15 HTX đạt 60% kế hoạch; công tác củng cố tổ chức nâng cao chất lượng hoạt động, cung cấp thông tin và phổ biến quy định pháp luật về KTTT cho 05/10 cuộc đạt 50% kế hoạch.

- Công tác củng cố hợp nhất sáp nhập 7/10 lớp đạt 70% kế hoạch.

- Nhằm nâng cao năng lực cho khu vực KTTT, HTX, LHHTX tỉnh đang tuyển sinh mở lớp tập huấn nông nghiệp công nghệ cao và hoàn tất hồ sơ đào tạo 02 thạc sĩ trong nước.

- Công tác bồi dưỡng thành viên và người lao động, mở 03 lớp nghiệp vụ vận tải và báo cáo tài chính cho HTX có 195/650 thành viên tham dự đạt 32% so với kế hoạch.

- Xúc tiến thương mại: các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh có xuất xứ hàng hóa, đạt chuẩn OCOP 03 đến 04 sao trưng bày tại các hội chợ triển lãm, diễn đàn trong nước từ đầu năm đến nay là 03/05 cuộc đạt 60% kế hoạch (trong đó Hội chợ thương mại tại Hà Nội 02 cuộc, Quy Nhơn 01 cuộc).

- Tỉnh hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu cho 02/08 HTX (HTX nuôi thủy sản Thanh Hoa và HTX dịch vụ nông nghiệp Tân Thuận, huyện Hòn Đất) đạt 25% kế hoạch.

- Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm vận hành, giới thiệu bán sản phẩm cho các tổ chức tại địa phương đã xét chọn 08/08 điểm ở các huyện trong tỉnh đạt 100% kế hoạch.

4.2. Tình hình thực hiện Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 15/7/2024 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 15/7/2021 thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025. Ngày 03/02/2022, UBND tỉnh có Quyết định số 1381/QĐ-UBND phê duyệt danh sách HTX thí điểm tham gia đề án (HTX Ngã Bát, huyện An Minh; HTX nông nghiệp Tân Hưng, huyện Châu Thành; HTX sản xuất – dịch vụ nông nghiệp Kênh 10, huyện U Minh Thượng) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để tổng hợp. Hiện nay tỉnh Kiên Giang đang tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của Đề án.

5. Hợp tác quốc tế về KTTT

Khuyến khích, tăng cường đẩy mạnh các hình thức hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, để học tập kinh nghiệm quản lý, mô hình phát triển hợp tác xã bền vững của các nước. Chủ động tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào hợp tác xã mạnh. Trong đó, chú ý tập trung tiếp thu các hỗ trợ kỹ thuật phát triển trong việc thành lập và nâng cao năng lực hợp tác xã, thành lập và nâng cao năng lực cơ cấu trợ giúp tổ chức kinh tế tập thể.

III. DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Tỉnh đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, giai đoạn 2021-2025 đạt được một số kết quả tiêu biểu như sau:

- Tình hình phát triển kinh tế tập thể, HTX: Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh thành lập mới 113/105 HTX (đạt 107,6% kế hoạch giai đoạn 2021-2025), trong đó có 81/80 HTX nông nghiệp (đạt 101,25% kế hoạch) 560 THT gắn với cánh đồng lớn (đạt 100% kế hoạch), 05/01 LH HTX (tăng 5 lần so với kế hoạch), trong đó 55 HTX khá giỏi 40% HTX trung bình hạn chế thấp nhất HTX yếu kém tổng số lao động thường xuyên của 9.129/11.488 thành viên, tổng số lao động THT là 14.106/44.422 người. Riêng đối với chỉ tiêu 90% HTX có lãi chưa đạt do phần lớn các HTX nông nghiệp làm dịch vụ hỗ trợ cho thành thành viên nguồn thu ít chỉ đủ chi phí điều hành HTX và trả lương cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc theo mùa vụ. Bên cạnh đó thời tiết diễn biến thất thường và giá phân bón, thuốc trừ sâu tăng cao ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các HTX nông nghiệp dẫn đến việc giải thể, tạm ngưng, sáp nhập các HTX trong những năm gần đây tăng lên.

- 100% số HTX, LHHTX tổ chức hoạt động theo quy định của Luật HTX đạt

- 20% cán bộ quản lý HTX tốt nghiệp đại học, cao đẳng trở lên trong tất các ngành, lĩnh vực, đạt 100% kế hoạch.

- 50% tổng số tổ chức KTTT có liên kết với doanh nghiệp, tổ chức KTTT khác.

- Xử lý dứt điểm tình trạng các HTX ngừng hoạt động và các HTX chưa chuyển đổi, tổ chức lại theo quy định Luật HTX.

- 90% mô hình KTTT ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững chưa đạt. Hiện nay, rất nhiều doanh nghiệp đang gặp khó trong việc thực hiện liên kết do không tìm được hợp tác xã nông nghiệp đủ năng lực tài chính, trình độ để có thể đứng ra làm đầu mối, nên doanh nghiệp phải hợp đồng trực tiếp với từng hộ nông dân, dẫn đến chi phí cao và dễ gặp rủi ro. Bên cạnh đó, trình độ và năng lực cho cán bộ quản lý chủ chốt của HTX về trình độ quản trị, kỹ năng xây dựng

phương án sản xuất kinh doanh, kiến thức quản trị còn hạn chế; công tác đào tạo về chuyên môn kỹ thuật cho thành viên HTX áp dụng quy trình công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn, chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường chưa được triển khai. Đã đến việc xây dựng mô hình KTTT ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị còn ít.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Kinh tế tập thể của tỉnh có bước chuyển biến khá, nhiều loại hình kinh tế tập thể phát triển đa dạng trên các lĩnh vực như: các loại hình HTX, THT, LHHTX thành lập mới năm 2024 đạt 100% kế hoạch; số lao động thường xuyên trong HTX năm 2024 tăng 5,5%; số HTX giải thể, sáp nhập giảm 72,3% với cùng kỳ năm 2023. Nội dung, phương thức hoạt động của các hợp tác xã có nhiều bước đổi mới, cơ bản tổ chức thực hiện đúng những nguyên tắc của Luật Hợp tác xã. Kinh tế tập thể từng bước phát huy hiệu quả góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nhất là sản xuất nông nghiệp, huy động được các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân, xây dựng tình đoàn kết tương trợ lẫn nhau, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh.

- Tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành kế hoạch triển khai các đề án, quyết định, văn bản chỉ đạo của Trung ương về hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể; bố trí vốn hỗ trợ các HTX theo các Kế hoạch, đề án được phê duyệt.

- Các nội dung hỗ trợ HTX bước đầu đã phát huy được hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực giúp các HTX nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; mở rộng sản xuất theo chuỗi liên kết, đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Kinh tế tập thể chiếm tỷ trọng chưa cao trong nền kinh tế của tỉnh, đa số các mô hình kinh tế tập thể có quy mô nhỏ lẻ, vốn ít, sự cạnh tranh thấp hơn so với các mô hình kinh tế khác; chưa xây dựng được hợp tác xã tiên tiến điển hình có quy mô lớn.

Nguồn kinh phí từ ngân sách trung ương hỗ trợ cho các hợp tác xã còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu của các HTX.

Một số hợp tác xã tổ chức và hoạt động chưa tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật, công tác tài chính còn lỏng lẻo; tính minh bạch, dân chủ trong tổ chức và hoạt động của hợp tác xã chưa đảm bảo. Hiệu quả hoạt động của một số hợp tác xã còn thấp, còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước nên chưa chủ động trong sản xuất kinh doanh.

Doanh thu của liên hiệp hợp tác xã chưa đạt so với kế hoạch năm 2024, các LHHTX bước đầu đi vào hoạt động ổn định. Tuy nhiên, các LHHTX trên địa bàn hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết diễn biến thất thường, lạm phát tăng cao dẫn đến chi phí đầu vào như giống, thuốc trừ sâu cũng tăng cao làm kết quả sản xuất kinh doanh của các LHHTX không đạt kế hoạch.

Những khó khăn nội tại của hợp tác xã chậm được khắc phục, đặc biệt là khó khăn về vốn, cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học công nghệ, trình độ quản lý, nguồn nhân lực. Phần lớn các HTX còn thiếu cán bộ có năng lực quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh cho HTX. Hoạt động của các hợp tác xã còn thiếu gắn bó, chưa có sự liên kết với nhau về kinh tế và tổ chức; các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các hợp tác xã còn ít.

Một số chính sách hỗ trợ HTX triển khai trong thực tế còn chậm như: chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các HTX nông nghiệp; đề án hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới, chính sách tiếp cận vốn vay cho các HTX từ Ngân hàng Chính sách xã hội...

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề công tác hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tốt hơn trong thời gian tới, tỉnh Kiên Giang đề xuất, kiến nghị với Trung ương một số nội dung sau:

Ưu tiên bố trí ngân sách trung ương hỗ trợ cho các hợp tác xã tham gia Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả và hỗ trợ cho cá HTX nông nghiệp đầu tư kết cấu hạ tầng theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ các cơ quan có liên quan từ trung ương đến tỉnh theo hướng trung ương có Cục Quản lý nhà nước về kinh tế tập thể thì ở cấp tỉnh phải có phòng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể theo hướng tập trung, đơn giản quy trình thực hiện.

Luật Hợp tác xã ngày 20/6/2023 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành, do có nhiều sự đổi mới, nên bước đầu cán bộ phụ trách lĩnh vực Kinh tế tập thể, Hợp tác xã còn lúng túng trong công tác cấp giấy chứng nhận Hợp tác xã, tổ hợp tác cho các HTX, THT cũng như hướng dẫn HTX đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử. Đề công tác đăng ký HTX, THT được thuận lợi, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ đăng ký HTX, THT cho các cán bộ đăng ký kinh doanh cấp huyện, thành phố.

Thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho công chức làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2025

I. MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2025

1. Phát triển KTTT cả về số lượng và chất lượng, trong đó chú trọng chất lượng, bảo đảm sự hài hòa trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn; thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tăng cường liên kết giữa các HTX và các thành viên HTX với các thành phần kinh tế khác hình thành các LH HTX không giới hạn về quy mô địa bàn; thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia KTTT; tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ, việc làm mới cho tổ viên, thành viên góp phần tăng thêm thu nhập và nâng cao chất lượng đời sống.

2. Tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức, đổi mới nội dung phương thức hoạt động của KTTT, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi. Tập trung phát triển lực lượng sản xuất trong khu vực KTTT nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, khai thác tốt hơn các tiềm năng lợi thế của địa phương.

3. Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025. Do đó, kế hoạch phát triển KTTT năm 2025 phải bám sát kế hoạch phát triển KTTT 5 năm, các Nghị quyết của Trung ương, các Chương trình của Tỉnh ủy và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ, phát triển KTTT.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2025

1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn

1.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành liên quan, cùng với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân khu vực kinh tế tập thể tỉnh nhất là những năm gần đây có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, đa dạng trên các lĩnh vực, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cho các thành viên, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế quốc dân... Trong thời gian tới môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng được cải thiện; công tác

cải cách hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của các thành phần kinh tế, trong đó có lĩnh vực KTTT được quan tâm.

Có nhiều chủ trương, chính sách tạo thuận lợi cho KTTT phát triển, đặc biệt là các chính sách mới ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động KTTT.

1.2. Khó khăn

Tình hình chính trị thế giới bất ổn, suy giảm kinh tế toàn cầu, lạm phát tăng ở nhiều nước, tổng cầu trong và ngoài nước suy giảm mạnh; áp lực cạnh tranh cao, sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, giá cả sản phẩm, hàng hóa tăng giảm thất thường, chi phí sản xuất cao, lợi nhuận thấp đã tác động không nhỏ đến khu vực KTTT.

Công tác chỉ đạo điều hành, công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước chưa chặt chẽ; trình độ, năng lực của công chức quản lý HTX ở một số nơi còn hạn chế, số lượng công chức chưa đảm bảo với khối lượng công việc.

Các HTX, THT hoạt động còn đơn điệu, thiếu chiến lược trong sản xuất, kinh doanh, mối liên kết giữa các HTX với nhau và giữa HTX với các thành phần kinh tế khác còn nhiều hạn chế; năng lực nội tại của các HTX còn yếu,... Đội ngũ quản lý HTX, THT vừa thiếu, vừa yếu chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; một số cán bộ, nhân dân và một số thành viên HTX, THT chưa hiểu biết vai trò của KTTT; hiệu quả phát triển KTTT chưa thật sự có tính thuyết phục cao, nguồn lực hỗ trợ cho KTTT có hạn chưa đáp ứng được nhu cầu.

2. Định hướng chung về phát triển KTTT, HTX

Tập trung phát triển kinh tế tập thể trong các ngành, các lĩnh vực thuộc thế mạnh của tỉnh. Ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh; sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết với doanh nghiệp; bảo đảm lợi ích thành viên...

Đổi mới, cải tiến kỹ thuật, cách thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, nâng cao trình độ quản lý và điều hành của cán bộ HTX, LH HTX từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, LH HTX; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của các HTX để đáp ứng đòi hỏi ngày càng khắc khe của thị trường.

3. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức, loại hình, quy mô và trình độ khác nhau trong các ngành, các lĩnh vực. Tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức, đổi mới nội dung phương thức hoạt động của các HTX, LH HTX, khắc phục những hạn chế, yếu kém để nâng cao chất lượng hoạt động khu vực KTTT, HTX. Trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi. Mở rộng quy mô thành viên HTX, LH HTX THT thông qua thu hút nhân dân tham gia HTX, nhất là các hộ nông dân nông thôn;

đẩy mạnh phát triển HTX, LH HTX gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, góp phần đạt các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, giải quyết việc làm tạo thu nhập cho người lao động và ổn định an sinh xã hội.

Phát triển kinh tế tập thể để hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động; mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết với các loại hình kinh tế khác. Khẳng định được vai trò, vị trí quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

4. Một số mục tiêu cụ thể

- Thành lập mới 50 THT, 15 HTX gắn với xây dựng cánh đồng lớn, trong đó có từ 13HTX nông nghiệp ; 01 LH HTX.

- Thu hút 250 thành viên THT, 600 thành viên HTX, 10 HTX thành viên LH HTX.

- Doanh thu bình quân của 1HTX trên 1.800 triệu đồng/năm, LH HTX là 400 triệu đồng/năm, THT là 240 triệu đồng/năm.

- Thu nhập bình quân của người lao động trong HTX trên 60 triệu đồng/năm, LH HTX là 65 triệu đồng/năm, THT là 34 triệu đồng/năm.

- Cũng cố 10 - 15 HTX yếu lên trung bình.

- Phân đấu trên 90% hợp tác xã có lãi, trong đó 55% hợp tác xã khá giỏi, 40% hợp tác xã trung bình, hạn chế thấp nhất hợp tác xã yếu kém.

- Tiếp tục duy trì các mô hình KTTT hoạt động có hiệu quả, phân đấu mỗi xã, phường, thị trấn xây dựng từ 01 đến 02 mô hình KTTT bền vững và làm ăn có hiệu quả.

- Tập trung đầu tư, phát triển các hợp tác xã có tiềm năng gắn với các ngành, lĩnh vực như môi trường, thủy sản, nông nghiệp hữu cơ, thủ công mỹ nghệ, dịch vụ thuộc các địa bàn trọng điểm: Thành phố Hà Tiên, Gò Quao, Vĩnh Thuận,...

- Phân đấu trong thời gian tới tăng năng suất, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, nâng cao năng lực hoạt động của các HTX; cải thiện đời sống thành viên và cộng đồng; tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, tăng cường tình đoàn kết xã hội trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích lâu dài giữa các thành viên HTX, THT.

5. Các giải pháp phát triển kinh tế tập thể năm 2025

Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan, triển khai thực hiện các giải pháp sau:

5.1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về KTTT; tập huấn các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành và nâng cao nguồn nhân lực HTX

Tiếp tục quán triệt tuyên truyền, triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 được thông qua ngày 20/6/2023 và Chương trình hành động số 34-CTr/TU, ngày 08/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể giai đoạn mới, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, đi đôi với nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, gắn với phát huy tốt sức mạnh của tập thể để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển KTTT.

Tăng cường tuyên truyền vai trò, vị trí của kinh tế tập thể, các điển hình tiên tiến, mô hình HTX mới đến đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân và người lao động, làm chuyển biến nhận thức, trách nhiệm đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo tham gia xây dựng phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX. Hoạt động của HTX phải gắn với chủ trương, Nghị quyết của các cấp ủy đảng, chính quyền ở từng địa phương và phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội trong từng thời kỳ.

Xây dựng các mô hình phát triển KTTT, các gương điển hình, các HTX tiêu biểu; tổ chức tốt các đợt thi đua, các phong trào làm kinh tế giỏi; hằng năm tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi HTX gắn với công tác tuyên dương, khen thưởng các HTX, cán bộ quản lý và các thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp cho công tác phát triển kinh tế của địa phương.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, tập huấn và phát tài liệu Luật Hợp tác xã, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP, Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư các văn bản có liên quan trong các quy định mới của Luật Hợp tác xã, kết hợp mở các lớp ngắn hạn trong công tác quản lý, điều hành, báo cáo tình

hình hoạt động HTX, báo cáo tài chính HTX, nghiệp vụ kế toán HTX cho đối tượng là cán bộ quản lý HTX.

5.2. Hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách

Thực hiện và tiếp tục hoàn thiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển HTX, phù hợp với bản chất (tránh bao cấp), nhu cầu, trình độ phát triển của tổ chức HTX và phù hợp với khả năng nguồn lực của Nhà nước; tập trung nguồn lực Nhà nước hỗ trợ xây dựng thí điểm một số chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực để từ đó nhân rộng...

5.3. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển HTX

Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX, LH HTX, THT; kỹ năng tổ chức các dịch vụ trong HTX; xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; soạn thảo hợp đồng kinh tế; hỗ trợ HTX đăng ký chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu thương mại và thiết kế mẫu mã bao bì cho HTX.

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 88/KH-UBND, ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND, ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 93/KH-UBND, ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND, ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định chính sách phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; các chương trình hỗ trợ, phát triển KTTT.

5.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực KTTT

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, Liên minh hợp tác xã và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ, tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX, LH HTX, THT như: Rà soát tình hình hoạt động của HTX, LH HTX hướng dẫn các huyện thực hiện giải thể các HTX, LH HTX đã ngừng hoạt động; tư vấn xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh và điều lệ theo quy định của Luật HTX năm 2012; thu hút, kết nạp thêm tổ viên, thành viên và tăng vốn góp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, mở thêm các dịch vụ phù hợp với địa phương; đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm cho các HTX; từng bước mở rộng quy mô hoạt động của các HTX,... Phát triển các hình thức hợp tác liên kết, đa dạng, phù hợp, hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp tục nâng cao năng lực tổ chức, hoạt động của các HTX, LH HTX thông qua các hoạt động tăng cường năng lực tổ chức, điều hành, hoạt động, kinh doanh các HTX: phát triển mô hình HTX sản xuất theo chuỗi giá trị. Khuyến khích các HTX đẩy mạnh,

nâng cao chất lượng bảo quản và chế biến nông sản. Tư vấn, khuyến khích, hướng dẫn HTX đóng gói, gắn tem nhãn phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Giới thiệu và nhân rộng các mô hình HTX điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn các THT, HTX mới thành lập và đang hoạt động chọn lựa mô hình sản xuất, kinh doanh phù hợp, phương pháp tổ chức hoạt động hiệu quả, quả trên từng lĩnh vực, từng ngành nghề để khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh các mô hình quản lý và phát triển HTX.

Tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý HTX để nâng cao năng lực, tổ chức, điều hành hoạt động HTX; thực hiện đưa cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại HTX. Tăng cường năng lực quản trị hợp tác xã theo hướng công khai, minh bạch; củng cố, nâng cao năng lực kế toán.

5.5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về KTTT

Củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ các cơ quan có liên quan từ tỉnh đến cơ sở để theo dõi, giám sát, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX. Các cấp, ngành, địa phương hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể gắn với phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, từng ngành và địa phương. Tập trung chỉ đạo tổ chức lại sản xuất theo hướng quy mô gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với sinh kế người dân ở từng vùng, từng điều kiện, từng nguồn lực. Tăng cường tập huấn bồi dưỡng kiến thức về kinh tế tập thể cho cán bộ HTX, LH HTX và cán bộ quản lý nhà nước làm công tác theo dõi kinh tế tập thể cần được tạo điều kiện đào tạo căn bản, nâng cao năng lực, phục vụ tốt hơn cho sự phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã của tỉnh.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn, hội viên tự nguyện tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã. Nâng cao hiệu quả các chương trình phối hợp liên tịch giữa Liên minh Hợp tác xã với Mặt trận, đoàn thể và các sở, ban, ngành. Tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách cũng như giải pháp để phát triển kinh tế hợp tác, HTX trên địa bàn tỉnh.

5.6. Về huy động nguồn lực xã hội để phát triển KTTT, HTX

Huy động mọi nguồn lực cho phát triển HTX; khuyến khích, tạo điều kiện để các HTX và các thành phần kinh tế khác đầu tư vào HTX đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh. Lồng ghép, kết hợp các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh, nhằm thu hút các nguồn lực phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác, liên kết. Hình thành chuỗi giá trị trong liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu gắn với xây dựng cánh đồng

lớn theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Quan tâm xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm, hàng hóa chủ lực, có qui mô lớn của tỉnh.

5.7. Về phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT

Cấp ủy và chính quyền các cấp hỗ trợ, tạo điều kiện và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hội, hiệp hội trong việc tuyên truyền, vận động thành viên tham gia HTX; động viên, khuyến khích các đoàn viên, hội viên đi đầu tham gia xây dựng các mô hình điểm về KTTT như: HTX, LH HTX, THT trên các lĩnh vực, nhất là nông nghiệp; phối hợp với các bộ, ngành trong việc tuyên truyền các chính sách, pháp luật về KTTT tới các hội viên; đưa các nội dung này thành các trọng tâm trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của các cấp đoàn, hội...

5.8. Về tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp trong việc thực hiện Nghị quyết, các quy định pháp luật, thúc đẩy phát triển KTTT, HTX. Đẩy mạnh công tác giám sát, phản biện và tham gia xây dựng các cơ chế, chính sách về kinh tế tập thể, HTX; vận động thành lập HTX, LH HTX và xây dựng mô hình HTX hoạt động có hiệu quả.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động phát triển HTX; tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển HTX; đổi mới, nâng cao năng lực của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, tăng cường các cán bộ có trình độ chuyên sâu về HTX, phải nắm vững được những nội dung cơ bản về Luật Hợp tác xã, nguyên tắc, tổ chức của HTX, cũng như các kỹ năng hỗ trợ HTX.

5.9. Về tăng cường hợp tác quốc tế về KTTT

Khuyến khích hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế tập thể, nhất là trong việc tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào HTX mạnh. Từng bước mở rộng hoạt động và phát huy vai trò HTX, LH HTX trong phát triển quan hệ với các tổ chức quốc tế, trước hết là Liên minh HTX quốc tế (ICA), Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và các nước Đông Nam Á.

5.10. Triển khai thực hiện chương trình, dự án mang tính đột phá

Triển khai thực hiện tốt chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025; Đề án “Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại các địa phương”.

5.11. Thực hiện phân loại và đánh giá hợp tác xã: Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5.12. Về các giải pháp khác.

Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm đối với HTX. Tiếp tục hỗ trợ để nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại của kinh tế hợp tác và HTX, trong đó tập trung vào việc cung cấp thông tin về thị trường và khách hàng, tích cực tham gia diễn đàn trao đổi kinh nghiệm của các HTX trong và ngoài tỉnh, các hoạt động triển lãm, hội chợ; xây dựng và quảng bá thương hiệu cho HTX và liên hiệp HTX; hỗ trợ một số HTX có điều kiện xúc tiến thương mại ra thị trường trên thế giới; tiếp tục hỗ trợ nhãn hiệu thương mại và truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho HTX.

6. Nguồn vốn thực hiện

Tổng nhu cầu vốn thực hiện theo các Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể năm 2025 là 20.610 triệu đồng. Trong đó tổng nguồn vốn từ ngân sách địa phương là 20.610 tỷ đồng (*đính kèm phụ lục III, IV*).

Trên đây là kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Kiên Giang năm 2025./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Giang Thanh Khoa

Phụ lục I

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 309/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
I	Hợp tác xã										
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	518	547	516	523	101%	538	98%	103%	
	<i>Trong đó:</i>										
	Số hợp tác xã đang hoạt động của năm liền trước	HTX	525	532	518	518	99%	523	98%	101%	
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	29	15	8	15	52%	15	100%	100%	
	Số hợp tác xã giải thể, sáp nhập	HTX	36	-	10	10	27,78%	0		0%	
	Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*)	HTX	171								
	Số xã đạt chuẩn tiêu chí 13 trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	Xã	97	99	106	106	109%				
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	55.174	55.664	55.334	55.534	101%	56.134	101%	101%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
	<i>Trong đó:</i>										
	Số thành viên mới	Thành viên	481	500	320	600	125%	600	120%	100%	
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên	105	10	160	240	229%	0	0%	0%	
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	10.888	11.143	11.208	11.488	105,51%	12.088	108%	105%	
	<i>Trong đó:</i>										
	Số lao động thường xuyên mới	Người	135	120	320	600	444%	600	500%	100%	
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	10.753	11.023	10.888	10.888	101%	11.488	104%	106%	
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	3.848	3.886	3.848	3.912	102%	3.976	102%	102%	
	<i>Trong đó:</i>										
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	3.277	3.303	3.277	3.329	102%	3.379	102%	102%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	571	583	571	583	102%	597	102%	102%	
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	1.300	1.420	1.420	1.800	138%	1.800	127%	100%	
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm		1.295	1.295	1.295		1.300	100%	100%	
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	150	560	300	590	393%	600	107%	102%	
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	58	60	40	60	103%	60	100%	100%	
II	Liên hiệp hợp tác xã										
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	3	4	3	4	133%	5	125%	125%	
	<i>Trong đó:</i>										
	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX	1	3	3	3	300%	4	133%	133%	
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX	2	1	-	1	50%	1	100%	100%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX	-	-	-	-					
	Số LHHTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	LH HTX	-	-	-	-					
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX	35	45	35	45	129%	50	111%	111%	
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người	19	33	19	28	147%	31	94%	111%	
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm	600	60.000	250	350	58%	400	1%	114%	
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm	200	-	100	150	75%	200	-	133%	
III	Tổ hợp tác										
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	2.272	2.323	2.272	2.322	102%	2.372	102%	102%	
	<i>Trong đó:</i>										
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT	2.272	2.323	2.272	2.322	102%	2.372	102%	102%	
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	44.272	44.210	44.272	44.422	100%	44.672	101%	101%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
	<i>Trong đó:</i>										
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	250	250	0	250	100%	250	100%	100%	
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	450	450	300	400	89%	400	89%	100%	
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	80	82	60	60	75%	80	98%	133%	

(*) Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX.

Phụ lục II
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC
PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 309/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
1	HỢP TÁC XÃ										
	Tổng số hợp tác xã	HTX	518	547	522	523	101%	538	98%	103%	
	Chia ra:										
	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	453	482	459	457	101%	470	98%	103%	
	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	7	8	7	7	100%	8	100%	114%	
	Hợp tác xã xây dựng	HTX	3	3	3	3	100%	3	100%	100%	
	Hợp tác xã tín dụng	HTX	21	21	19	19	90%	19	90%	100%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
	Hợp tác xã thương mại	HTX	12	12	12	14	117%	15	125%	107%	
	Hợp tác xã vận tải	HTX	22	21	22	23	105%	23	110%	100%	
	Hợp tác xã khác	HTX	-								
2	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ										
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX	3	4	3	4	133%	5	125%	125%	
	Chia ra:										
	LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX	3	4	3	4	133%	5	125%	125%	
	LH hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX	-	-	-	-		-			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX	-	-	-	-		-			
	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX	-	-	-	-		-			
	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX	-	-	-	-		-			
	LH hợp tác xã vận tải	LHHTX	-	-	-	-		-			
	LH hợp tác xã khác	LHHTX	-	-	-	-		-			
3	TỔ HỢP TÁC										
	Tổng số tổ hợp tác	THT	2.272	2.323	2.272	2.322	102%	2.372	102%	102%	
	Chia ra:										
	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT	1.610	2.068	1.610	1.657	103%	1.706	82%	103%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT	662	255	662	665	100%	666	261%	100%	
	Tổ hợp tác xây dựng	THT	-	-	-	-		-			
	Tổ hợp tác tín dụng	THT	-	-	-	-		0			
	Tổ hợp tác thương mại	THT	-	-	-	-		0			
	Tổ hợp tác vận tải	THT	-	-	-	-		0			
	Tổ hợp tác khác	THT	-	-	-	-		-			

Phụ lục III

**NHU CẦU VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số 309/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024 (bao gồm cả chuyển nguồn năm 2023)						Kế hoạch 2025		Ghi chú
			Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	Thành lập mới, củng cố tổ chức KTTT, HTX										
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX				15	14	21		15	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				360	235	360		400	
2	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT										
2.1	Đào tạo										

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024 (bao gồm cả chuyển nguồn năm 2023)						Kế hoạch 2025		Ghi chú
			Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
	- Số người được cử đi đào tạo	Người				52	0	0		52	đang chiêu sinh chưa có học viên đăng ký
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				3.100	0	0		3.100	
2.2	<i>Bồi dưỡng</i>										
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người				900	454	670		700	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				1.500	400	1.000		1.000	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024 (bao gồm cả chuyển nguồn năm 2023)						Kế hoạch 2025		Ghi chú
			Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
3	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT										
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX				12	6	12		12	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				30	15	30		30	
4	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường										
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX				50	45	45		50	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				4.080	520	600		1.000	

Phụ lục IV

NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 309/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Chỉ tiêu	Tổng mức đầu tư		Thực hiện 2024			Kế hoạch 2025	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó NSNN	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm		
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							
1	Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn							
<i>1.1</i>	<i>Dự án....</i>							
	<i>Dự án....</i>							
	<i>Dự án....</i>							
II	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
1	Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn							
	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm (Theo kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 15/12/2023)	15.080	15.080	15.080			15.080	<i>Theo Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX tỉnh KG năm 2024</i>
2	Dự án thuộc Chương trình MTQG...							
<i>1.1</i>	<i>Dự án....</i>							

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2793/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Bãi Khem và Mũi Ông Đội tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 128,68 ha

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2886/TTr-SXD ngày 11 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. **Phê duyệt** Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Bãi Khem và Mũi Ông Đội tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 128,68 ha, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Phạm vi ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Bãi Khem và Mũi Ông Đội tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000 được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đất rừng phòng hộ và đất quốc phòng.
- Phía Nam giáp đất rừng phòng hộ và mặt nước biển.
- Phía Đông giáp đất rừng phòng hộ; đất bãi cát, bãi đá và mặt nước biển.
- Phía Tây giáp đất rừng phòng hộ; đất quốc phòng; đường Nguyễn Văn Cừ (Đường Tỉnh lộ 46).

2. Diện tích: Khoảng 128,68 ha (Không bao gồm diện tích quy hoạch đất quốc phòng, đất di tích).

(Phạm vi ranh giới và diện tích sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch phân khu đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch chung được phê duyệt).

3. Tính chất: Là khu dịch vụ du lịch, khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp, thể thao biển.

4. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

4.1. Chỉ tiêu cơ bản về dân số

Dự báo sau khi hoàn thành, khu vực quy hoạch có thể phục vụ khoảng 15.000 - 20.000 người/ngày (Bao gồm: Khách lưu trú, khách tham quan, nhân viên phục vụ điều hành,...).

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật sẽ được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình lập Đồ án quy hoạch phân khu, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung đã được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành đối với đô thị loại I.

5. Các yêu cầu và nguyên tắc về tổ chức không gian, kiến trúc, kết nối hạ tầng kỹ thuật

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng, dân cư, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; phân tích các quy định của quy hoạch chung xây dựng có liên quan đến khu vực quy hoạch; đánh giá các dự án, các quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực.

- Xác định quy mô dân số, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch; chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo chức năng đặc thù.

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định các phân khu trong khu vực quy hoạch; xác định chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng lô đất; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có).

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan: Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng phân khu, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn.

- Định hướng hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường khu vực, bao gồm các nội dung sau:

+ Xác định cốt xây dựng đối với từng ô phố;

+ Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm); tuyến giao thông công cộng; hào và tuynel kỹ thuật (nếu có);

+ Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật cụ thể;

+ Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng (điện, khí đốt); vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, trạm khí đốt; mạng lưới đường dây trung thế và hệ thống chiếu sáng;

+ Xác định nhu cầu và công trình hạ tầng viễn thông thụ động;

+ Xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược:

+ Xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch;

+ Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng;

+ Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường cho các khu vực chức năng.

- Dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư, sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện.

6. Danh mục hồ sơ đồ án

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh, phụ lục kèm theo thuyết minh, quy định quản lý theo Đồ án, dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt Đồ án thực hiện theo Điều 27, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và hồ sơ lấy ý kiến thống nhất nội dung đồ án quy hoạch xây dựng gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

- Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và lưu trữ: Theo yêu cầu của cơ quan quản lý quy hoạch.

7. Chi phí và thời gian lập quy hoạch

- Tổng chi phí thực hiện: **1.702.441.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm lẻ hai triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng*). Chi phí thực hiện sẽ được thanh quyết toán theo khối lượng thực tế thực hiện và kết quả thẩm định.

Trong đó:

+ Chi phí lập đồ án quy hoạch:	1.163.622.000 đồng.
+ Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	84.229.000 đồng.
+ Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	15.598.000 đồng.
+ Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	79.191.000 đồng.
+ Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án:	74.881.000 đồng.
+ Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư:	21.549.000 đồng.
+ Chi phí công bố quy hoạch:	32.323.000 đồng.
+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:	9.649.000 đồng.
+ Chi phí đấu thầu lập quy hoạch:	11.753.000 đồng.
+ Chi phí lập bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch (<i>tạm tính</i>):	209.646.000 đồng.

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Thời gian lập Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng không quá 09 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ được phê duyệt.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.

- Đơn vị lập đồ án quy hoạch: Đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực thực hiện quy hoạch phân khu.

- Cơ quan thẩm định quy hoạch: Hội đồng thẩm định và Sở Xây dựng.

- Cơ quan quyết định đồ án quy hoạch: HĐND tỉnh Kiên Giang.

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc có trách nhiệm kiểm soát chi phí lập bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch phân khu phù hợp với phạm vi ranh giới và diện tích theo Nhiệm vụ quy hoạch phân khu được phê duyệt; tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Bãi

Khem và Mũi Ông Đội tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 128,68 ha đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Du lịch; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Giang Thanh Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2795/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng
Khu vực Rạch Tràm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang,
tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 172,13 ha**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2841/TTr-SXD ngày 09 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Rạch Tràm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 172,13 ha, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Phạm vi ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Rạch Tràm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000 được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đất đất quốc phòng và đất rừng phòng hộ (*Rừng Quốc gia Phú Quốc*).

- Phía Nam giáp sông Rạch Tràm và đất rừng phòng hộ (*Rừng Quốc gia Phú Quốc*).

- Phía Đông giáp đất rừng phòng hộ (*Rừng Quốc gia Phú Quốc*).

- Phía Tây giáp đất bãi cát, bãi đá và mặt nước biển.

2. Diện tích: Khoảng 172,13 ha (*Không bao gồm diện tích quy hoạch đất quốc phòng, đất bãi cát, bãi đá và mặt nước sông Rạch Tràm*).

(Phạm vi ranh giới và diện tích sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch phân khu đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch chung được phê duyệt).

3. Tính chất: Là khu đô thị du lịch hỗn hợp và khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp.

4. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

4.1. Chỉ tiêu cơ bản về dân số

- Khu du lịch: Dự báo sau khi hoàn thành, khu vực quy hoạch có thể phục vụ khoảng 6.700 người/ngày (bao gồm: Khách lưu trú, khách tham quan, nhân viên phục vụ điều hành, ...).

- Khu dân cư (khu đô thị du lịch hỗn hợp): Khoảng 5.000 - 7.000 người.

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật sẽ được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình lập Đồ án quy hoạch phân khu, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung đã được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành đối với đô thị loại I.

5. Các yêu cầu và nguyên tắc về tổ chức không gian, kiến trúc, kết nối hạ tầng kỹ thuật

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng, dân cư, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; phân tích các quy định của quy hoạch chung xây dựng có liên quan đến khu vực quy hoạch; đánh giá các dự án, các quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực.

- Xác định quy mô dân số, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch; chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo chức năng đặc thù.

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định các phân khu trong khu vực quy hoạch; xác định chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng lô đất; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có).

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan: Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng phân khu, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn. Lưu ý: cần nghiên cứu không ảnh hưởng đến địa hình có tầm quan trọng cao ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng.

- Định hướng hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường khu vực, bao gồm các nội dung sau:

+ Xác định cốt xây dựng đối với từng ô phố;

+ Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm); tuyến giao thông công cộng; hào và tuynel kỹ thuật (nếu có);

+ Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật cụ thể;

+ Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng (điện, khí đốt); vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, trạm khí đốt; mạng lưới đường dây trung thế và hệ thống chiếu sáng;

+ Xác định nhu cầu và công trình hạ tầng viễn thông thụ động;

+ Xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược:

+ Xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch;

+ Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng;

+ Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường cho các khu vực chức năng.

- Dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư, sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện.

6. Danh mục hồ sơ đồ án

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh, phụ lục kèm theo thuyết minh, quy định quản lý theo Đồ án, dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt Đồ án thực hiện theo Điều 27, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và hồ sơ lấy ý kiến thống nhất nội dung đồ án quy hoạch xây dựng gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

- Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và lưu trữ: Theo yêu cầu của cơ quan quản lý quy hoạch.

7. Chi phí và thời gian lập quy hoạch

- Tổng chi phí thực hiện: **1.732.044.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*). Chi phí thực hiện sẽ được thanh quyết toán theo khối lượng thực tế thực hiện và kết quả thẩm định.

Trong đó:

+ Chi phí lập đồ án quy hoạch:	1.155.496.000 đồng.
+ Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	83.830.000 đồng.
+ Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	15.524.000 đồng.
+ Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	78.745.000 đồng.
+ Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án:	74.465.000 đồng.
+ Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư:	21.398.000 đồng.
+ Chi phí công bố quy hoạch:	32.097.000 đồng.
+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:	9.817.000 đồng.
+ Chi phí đấu thầu lập quy hoạch:	11.669.000 đồng.
+ Chi phí lập bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch (<i>tạm tính</i>):	249.003.000 đồng.

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Thời gian lập Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng không quá 09 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ được phê duyệt.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.

- Đơn vị lập đồ án quy hoạch: Đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực thực hiện quy hoạch phân khu.

- Cơ quan thẩm định quy hoạch: Hội đồng thẩm định và Sở Xây dựng.

- Cơ quan quyết định đồ án quy hoạch: HĐND tỉnh Kiên Giang.

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc có trách nhiệm kiểm soát chi phí lập bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch phân khu phù hợp với phạm vi ranh giới và diện tích theo Nhiệm vụ quy hoạch phân khu được phê duyệt; tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Rạch Tràm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 172,13 ha đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Du lịch; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Giang Thanh Khoa

VĂN PHÒNG UBND TỈNH KIÊN GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: 06 Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;

Điện thoại: 02973.862.135;

Fax: 0297.3862687;

Email: congbao@kiengiang.gov.vn;

Website: <http://congbao.kiengiang.gov.vn>;